|  |  |
| --- | --- |
| **TRUNG TÂM** **LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VAY VÀ CHO VAY CHỨNG KHOÁN**

 **TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ……./QĐ-VSD ngày …. tháng …. năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam)*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSD), quyền hạn, trách nhiệm của VSD, các thành viên lưu ký (sau đây gọi là TVLK), các tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD (sau đây gọi tắt là TCMTKTT), các tổ chức, cá nhân liên quan khi tham gia hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại VSD.

2. Hoạt động vay và cho vay chứng khoán quy định tại Quy chế này nhằm thực hiện:

a. Hỗ trợ thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp TVLK của VSD do sửa lỗi dẫn đến tạm thời thiếu hụt chứng khoán để thanh toán;

b. Hỗ trợ thành viên lập quỹ ETF có đủ chứng khoán để góp vốn và thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục với quỹ ETF theo quy định hiện hành;

c. Hỗ trợ TVLK đồng thời là thành viên bù trừ vay Trái phiếu chính phủ (sau đây gọi tắt là TPCP) để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở khi thực hiện hợp đồng tương lai TPCP trong trường hợp thành viên bù trừ không có đủ số lượng và đúng loại tài sản cơ sở để chuyển giao;

d. Hỗ trợ Thành viên giao dịch là thành viên đấu thầu TPCP vay TPCP để bán.

3. Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm:

a. Thành viên lập quỹ ETF, VSD

b. TVLK, TCMTKTT đóng vai trò là bên cho vay hoặc bên vay

c. Tổ chức, cá nhân sở hữu chứng khoán lưu ký đóng vai trò là bên cho vay.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

*1. Bên cho vay* làcác tổ chức, cá nhân sở hữu chứng khoán đã lưu ký tại VSD có nhu cầu cho vay chứng khoán phải thực hiện giao dịch cho vay tại VSD thông qua TVLK nơi tổ chức, cá nhân đó mở tài khoản.

*2. TVLK đại diện cho bên cho vay* là TVLK nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán của bên cho vay và được ủy quyền của tổ chức, cá nhân cho vay chứng khoán tham gia vào hệ thống thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán (sau đây gọi tắt là hệ thống SBL).

*3. Bên vay* là TVLK, các tổ chức được công nhận là thành viên lập quỹ ETF, các thành viên giao dịch là thành viên đấu thầu TPCP được vay chứng khoán để thực hiện các hoạt động theo quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

*4. Ngân hàng thanh toán* là ngân hàng được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn để VSD và thành viên của VSD mở tài khoản thanh toán bằng tiền nhằm phục vụ việc thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch và cho các hoạt động thanh toán khác.

*5. Tỷ lệ chiết khấu tài sản* là tỷ lệ phần trăm được khấu trừ từ mức giá dùng để định giá tài sản là chứng khoán thế chấp được quy định tại Quy chế này.

*6. Thỏa thuận trực tiếp* là trường hợp bên vay và bên cho vay trực tiếp trao đổi thống nhất về các điều kiện vay và cho vay chứng khoán trước khi chuyển thông tin vào hệ thống để xác lập thỏa thuận.

*7. Thỏa thuận qua hệ thống* là trường hợp bên có nhu cầu vay hoặc cho vay chứng khoán đưa chào vay/chào cho vay vào hệ thống SBL để tìm đối tác cho vay/vay chứng khoán.

*8. Chào vay/Chào cho vay* là đề nghị vay/cho vay chứng khoán của bên vay hoặc bên cho vay được đưa vào hệ thống SBL để tìm đối tác tương ứng cho vay/vay chứng khoán.

*9. Yêu cầu vay* là toàn bộ nội dung thông tin về giao dịch vay/cho vay theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này đã được bên cho vay và bên vay thống nhất và được bên vay nhập vào hệ thống SBL để xác lập thỏa thuận vay/cho vay chứng khoán.

*10. Chữ ký số* là một dạng chữ ký điện tử được thiết kế theo quy định tại Nghị định 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011, Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 mà người có thẩm quyền của VSD hoặc TVLK, TCMTKTT, tổ chức phát hành sử dụng để xác thực thông tin dữ liệu mà mình gửi đi.

*11. Chứng từ điện tử*  là thông tin về hoạt động nghiệp vụ tại VSD được tạo ra, gửi đi, nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử thông qua cổng giao tiếp điện tử hoặc cổng giao tiếp trực tuyến của VSD và đã được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền của VSD hoặc TVLK, TCMTKTT, tổ chức phát hành. Chứng từ điện tử trong Quy chế này bao gồm các tài liệu sau:

* Giấy xác nhận hạch toán chứng khoán cho vay;
* Giấy xác nhận chuyển khoản phong toả chứng khoán thế chấp;
* Giấy xác nhận hạch toán hoàn trả chứng khoán cho vay;
* Giấy xác nhận chuyển khoản giải toả chứng khoán thế chấp.

**Điều 3. Phạm vi hoạt động trung gian của VSD**

VSD giữ vai trò trung gian và tổ chức vận hành hệ thống SBL với các chức năng chính:

1. Làm trung gian kết nối giữa bên cho vay và bên vay chứng khoán để thực hiện các giao dịch phù hợp với quy định pháp luật.

2. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho việc thực hiện vay và cho vay chứng khoán bao gồm:

a. Tổ chức hệ thống thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán;

b.Thực hiện chuyển giao và hoàn trả chứng khoán giữa các bên vay và cho vay;

c. Định giá và quản lý tài sản thế chấp;

d. Xác định và tính toán quyền liên quan đến chứng khoán thuộc sở hữu của bên cho vay và thực hiện chuyển giao lợi ích phát sinh từ quyền từ bên vay sang bên cho vay theo thỏa thuận và đề nghị của các bên.

3. Quản lý việc sử dụng chứng khoán vay trên hệ thống SBL theo đúng mục đích và quy định hiện hành.

**CHƯƠNG II**

**CHỨNG KHOÁN CHO VAY**

**Điều 4. Chứng khoán cho vay**

1. Chứng khoán cho vay hợp lệ là chứng khoán được niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thuộc sở hữu hợp pháp của bên cho vay và đã được đăng ký, lưu ký tại VSD, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Bên cho vay phải đáp ứng đúng quy định của pháp luật khi thực hiện cho vay chứng khoán.

2. Chứng khoán không được cho vay bao gồm:

a. Chứng khoán bị đưa vào diện bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;

b. Chứng khoán đang được cầm cố, phong toả, tạm giữ tại VSD;

c. Chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc theo Điều lệ của tổ chức phát hành;

d. Trái phiếu chuyển đổi.

**Điều 5. Giá trị chứng khoán cho vay và lãi suất vay/cho vay**

1. Giá trị chứng khoán cho vay được xác định theo công thức sau:

  **VL= Q**L**x P**

Trong đó:

**Vl** là giá trị chứng khoán cho vay

**Q**Llà số lượng chứng khoán cho vay

**P** xác định như sau:

 + Đối với trái phiếu Chính phủ: là giá tính toán theo mô hình Đường cong Lợi suất Trái phiếu Chính phủ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

+ Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư: giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

+ Đối với trái phiếu công ty: giá thực hiện/giá thực hiện bình quân tại ngày giao dịch liền kề trước/ngày giao dịch gần nhất ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

2. Giá trị chứng khoán cho vay được định giá lại vào 16h00 hàng ngày theo công thức trên để làm cơ sở xác định mức tài sản thế chấp tương ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

3. Lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay nhưng không được vượt quá 20%/năm .

4. Lãi khoản vay được xác định như sau:

**L=** $\sum\_{d=1}^{n}V\_{d}\*\frac{I}{360}$

Trong đó:

**L:**là lãi khoản vay

$$\left(1,n\right): là khoảng ngày tính từ ngày xác lập khoản vay đến ngày kết thúc/đến hạn khoản vay$$

$$V\_{d}: là giá trị chứng khoán cho vay tại ngày d \in \left(1,n\right), $$

 **I :** là lãi suất cho vay năm.

5. Lãi khoản vay sẽ được thanh toán cùng ngày với việc hoàn trả toàn bộ khoản vay của bên vay. Trường hợp bên vay chưa thực hiện trả tiền lãi khoản vay cho bên cho vay, VSD sẽ khấu trừ giá trị tương ứng khoản lãi vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền (nếu có) của bên vay để trả cho bên cho vay.

6. Trường hợp hai bên vay và cho vay thống nhất gia hạn khoản vay theo quy định tại Điều 6 Quy chế này, lãi suất cho vay khi gia hạn do hai bên vay và cho vay thỏa thuận nhưng tối đa không được vượt quá 20%/năm.

**Điều 6. Thời gian vay, gia hạn khoản vay**

1. Thời hạn vay/cho vay theo thỏa thuận của bên cho vay và bên đi vay, tối đa như sau:

a. 05 ngày làm việc đối với thỏa thuận vay/cho vay để hỗ trợ thanh toán.

b. 90 ngày đối với thỏa thuận vay/cho vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF.

c. 30 ngày đối với thỏa thuận vay/ cho vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở.

d. 180 ngày đối với vay TPCP để bán.

 Trường hợp vay TPCP, thời hạn vay không vượt quá thời hạn còn lại tới khi đáo hạn của TPCP.

Trường hợp ngày đến hạn khoản vay trùng với ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật thì ngày đến hạn khoản vay là ngày làm việc liền ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ, tết đó.

2. Việc gia hạn khoản vay chỉ được thực hiện khi bên vay có yêu cầu và được bên cho vay chấp thuận nhưng tối đa không quá 03 (ba) lần với thời gian của từng lần gia hạn theo từng mục đích vay:

a. Mỗi lần gia hạn không quá 05 ngày làm việc đối với khoản vay để hỗ trợ thanh toán;

b. Mỗi lần gia hạn không quá 30 ngày đối với khoản vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF; vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở; vay TPCP để bán. Trường hợp vay TPCP, thời hạn gia hạn khoản vay không vượt quá thời hạn còn lại tới khi đáo hạn của TPCP. Trường hợp vay TPCP để bán, tổng thời gian vay (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 180 ngày.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn khoản vay:

a. Khi có yêu cầu gia hạn khoản vay, bên vay gửi thông báo bằng văn bản tới VSD (Mẫu 01/SBL của Quy chế này) kèm theo thỏa thuận gia hạn khoản vay (Mẫu 02/SBL của Quy chế này) được ký kết giữa bên vay và bên cho vay đồng thời đăng nhập thông tin gia hạn khoản vay trên hệ thống SBL.

b. VSD xác nhận gia hạn khoản vay (Mẫu 01/SBL của Quy chế này) và gửi bên vay trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo gia hạn bằng văn bản của bên vay.

**Điều 7. Hoàn trả khoản vay**

1. Bên cho vay không được yêu cầu hoàn trả khoản cho vay trong suốt thời gian cho vay.

2. Trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, bên vay được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần chứng khoán vay tại bất cứ thời điểm nào trong thời hạn vay. Khoản vay phải được hoàn trả bằng chứng khoán đã vay trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp hoàn trả bằng tiền (một phần hoặc toàn bộ) phải được chấp thuận bằng văn bản của bên cho vay (không áp dụng đối với vay TPCP để bán).

3. Trường hợp bên cho vay nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài, phần vượt quá được thống nhất hoàn trả bằng tiền, giá trị hoàn trả bằng tiền do hai bên thoả thuận theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục hoàn trả khoản vay:

a. Hoàn trả toàn bộ bằng chứng khoán cho vay:

Bên vay gửi VSD hồ sơ hoàn trả chứng khoán vay bao gồm các tài liệu sau:

i. Giấy đề nghị chuyển trả chứng khoán cho bên cho vay (Mẫu 03A/SBL, 03B/SBL của Quy chế này);

ii. Biên bản thanh lý hợp đồng giữa các bên vay và cho vay và TVLK đại diện cho bên cho vay (nếu có)

iii. Yêu cầu chuyển khoản chứng khoán (Mẫu 04/SBL của Quy chế này) (03 liên)

Đồng thời, bên vay đăng nhập thông tin hoàn trả và/hoặc tất toán hợp đồng vay, cho vay trên hệ thống SBL (Mẫu 05/SBL của Quy chế này).

b. Hoàn trả toàn bộ hoặc một phần bằng tiền :

i. Các bên tự thỏa thuận trong biên bản thanh lý hợp đồng vay/cho vay giá trị bằng tiền quy đổi từ chứng khoán cho vay nhưng không được thấp hơn giá trị chứng khoán cho vay tại ngày hoàn trả được xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 5.

ii. Biên bản thanh lý hợp đồng vay/cho vay chứng khoán được gửi tới VSD trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày các bên ký Biên bản. Trường hợp hoàn trả một phần bằng tiền, bên vay gửi kèm theo Biên bản thanh lý hợp đồng vay/cho vay chứng khoán các tài liệu quy định tại Tiết i,iii Điểm a Khoản này.

Đồng thời, bên vay đăng nhập thông tin hoàn trả và/hoặc tất toán hợp đồng vay, cho vay trên hệ thống SBL (Mẫu 05/SBL của Quy chế này).

c. Trong vòng 01 ngày làm việc, VSD xử lý hồ sơ hoàn trả chứng khoán cho vay và hạch toán theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

**Điều 8. Xử lý trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay**

1. Các trường hợp được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay :

a. Hết thời hạn hợp đồng vay/cho vay, Bên vay không hoàn trả được khoản vay và không được bên cho vay chấp nhận gia hạn khoản vay.

b. Hết thời hạn gia hạn khoản vay theo thỏa thuận với Bên cho vay, Bên vay không hoàn trả được khoản vay.

c. Bên vay không nộp tài sản thế chấp bổ sung theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

d. Bên vay không nộp tài sản thế chấp thay thế theo yêu cầu của VSD theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

2. Trường hợp tài khoản tiền gửi của bên vay không đủ số dư tiền để Ngân hàng thanh toán phong toả toàn bộ số tiền thế chấp theo thông báo của VSD, Ngân hàng thanh toán sẽ thông báo cho VSD về số tiền thiếu hụt không đủ để phong toả của bên vay để VSD thông báo cho bên vay xác định hợp đồng mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điểm c,d Khoản 1 Điều này.

3. Việc xử lý các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này căn cứ vào hợp đồng vay/cho vay hoặc thỏa thuận khác bằng văn bản giữa bên cho vay và bên vay.

4. Trường hợp không có thỏa thuận giữa các bên, bên cho vay sẽ được nhận chuyển giao thông qua VSD toàn bộ tài sản thế chấp (chứng khoán hoặc tiền) của bên vay ngay trong ngày Hợp đồng vay và cho vay được coi là mất khả năng hoàn trả khoản vay. Nếu bên cho vay nhận chuyển giao chứng khoán thế chấp mà dẫn tới vượt sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài, phần vượt quá được thống nhất hoàn trả bằng tiền, giá trị hoàn trả bằng tiền do hai bên thỏa thuận.

**CHƯƠNG III**

**TÀI SẢN THẾ CHẤP**

**Điều 9. Tài sản thế chấp**

1.Tài sản thế chấp đủ điều kiện cho giao dịch vay và cho vay chứng khoán tại VSD có thể là tiền (VND) hoặc các chứng khoán niêm yết tùy theo mục đích vay.

2. Tài sản thế chấp để vay chứng khoán hỗ trợ thanh toán cho TVLKlà tiền. Tài sản thế chấp để vay chứng khoán hỗ trợ cho việc góp vốn hoặc hoán đổi danh mục quỹ ETF, vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở, vay TPCP để bán là tiền và/hoặc chứng khoán đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này bao gồm:

a. Trái phiếu Chính phủ;

b. Chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán(cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF).

3. Chứng khoán được sử dụng làm tài sản thế chấp để vay chứng khoán tại VSD khi đáp ứng các điều kiện sau:

a. Thuộc danh mục tài sản thế chấp do VSD quy định trong từng thời kỳ dựa trên tính thanh khoản của chứng khoán được xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

b. Không thuộc loại bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán;

c. Không bị cầm cố, phong tỏa, tạm giữ tại VSD;

d. Thuộc loại tự do chuyển nhượng và đã được lưu ký trên tài khoản chứng khoán giao dịch tại VSD.

e. Thuộc sở hữu của bên vay và được bên cho vay chấp nhận theo Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán giữa hai bên.

**Điều 10. Định giá giá trị tài sản thế chấp**

1. Giá trị tài sản thế chấp được xác định theo công thức sau đây:

**VTC**= **C** + **QTC**x **P** x**(100% - H)**

Trong đó

**VTC** là giá trị tài sản thế chấp

**C** là tiền thế chấp (nếu có)

**QTC** là số lượng chứng khoán thế chấp

**P** là giá chứng khoán áp dụng để định giá:

 + Đối với trái phiếu Chính phủ: là giá tính toán theo mô hình Đường cong Lợi suất Trái phiếu Chính phủ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

+ Đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền kề trước ngày vay hoặc ngày được yêu cầu bổ sung tài sản thế chấp.

**H** là tỷ lệ chiết khấu tài sản theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Giá trị tài sản thế chấp được định giá lại vào 16h00 hàng ngày theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều này làm căn cứ xác định việc duy trì giá trị tài sản thế chấp của bên vay theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Bên vay phải đảm bảo giá trị tài sản thế chấp ban đầu bằng 115% giá trị chứng khoán vay. Bên vay phải nộp bổ sung tài sản thế chấp trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp thấp hơn mức nêu trên theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và được quyền rút tài sản thế chấp khi giá trị tài sản thế chấp lớn hơn mức quy định.

**Điều 11. Nộp tài sản thế chấp ban đầu**

1. Bên vay có trách nhiệm liệt kê đầy đủ tài sản thế chấp trong Yêu cầu vay khi nhập vào hệ thống SBL.

2. Chứng khoán thế chấp sẽ được phong tỏa tại VSD và tiền thế chấp sẽ được phong tỏa tại Ngân hàng thanh toán trước khi thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.

**Điều 12. Xử lý trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp thấp hơn mức quy định**

1. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức quy định tại Khoản 3 Điều 10, VSD sẽ gửi thông báo bằng fax cho bên vay (Mẫu 06/SBL của Quy chế này) ngay trong ngày định giá lại để nộp bổ sung tài sản thế chấp.

2. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức quy định nhưng vẫn đạt trên 110% giá trị chứng khoán cho vay trong 03 ngày giao dịch liên tiếp, bên vay có trách nhiệm nộp bổ sung tài sản thế chấp trong ngày làm việc thứ 4 để đạt mức 115% giá trị chứng khoán cho vay. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản thế chấp theo thông báo của VSD và giá trị tài sản thế chấp định giá lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán cho vay, thỏa thuận vay sẽ được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp xác định lại thấp hơn mức 110% giá trị chứng khoán cho vay, bên vay có trách nhiệm nộp bổ sung tài sản thế chấp ngay trong vòng 01ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của VSD để đạt mức 115% giá trị chứng khoán cho vay. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản thế chấp theo thông báo của VSD và giá trị tài sản thế chấp định giá lại thấp hơn 115% giá trị chứng khoán cho vay, thỏa thuận vay sẽ được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

**Điều 13. Tỷ lệ chiết khấu tài sản**

1. Tỷ lệ chiết khấu tài sản áp dụng đối với từng loại chứng khoán khi xác định giá trị tài sản thế chấp, trừ trường hợp tài sản thế chấp là tiền là:

a. 5% đối với trái phiếu Chính phủ.

b. 30% đối với chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cấu thành chỉ số VN30/HNX30 và 40% đối với chứng khoán còn lại.

2. VSD có thể điều chỉnh tỷ lệ chiết khấu tài sản đối với từng loại chứng khoán thế chấp căn cứ vào mức thanh khoản và rủi ro của tài sản thế chấp.

**Điều 14. Rút, thay thế tài sản thế chấp**

1. Bên vay được quyền thay thế tài sản thế chấp với điều kiện chứng khoán thế chấp thay thế phải nằm trong danh mục chứng khoán được dùng làm tài sản thế chấp và giá trị tài sản thế chấp thay thế đáp ứng tỷ lệ với giá trị khoản vay theo quy định của VSD và được bên cho vay chấp thuận theo Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán giữa hai bên.

2. Trường hợp thay thế tài sản thế chấp, bên vay gửi VSD giấy đề nghị thay thế tài sản thế chấp (Mẫu 07/SBL của Quy chế này) đồng thời đăng nhập thông tin về tài sản thế chấp thay thế vào hệ thống SBL.

3. Bên vay buộc phải thay thế tài sản thế chấp trong các trường hợp sau:

a. Chứng khoán được sử dụng làm tài sản thế chấp không đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

b. Trái phiếu Chính phủ đến thời hạn đáo hạn hoặc trong danh mục hoán đổi.

4. Trong các trường hợp bị buộc phải thay thế tài sản thế chấp theo quy định tại Khoản 3 Điều này, VSD sẽ gửi văn bản yêu cầu thay thế tài sản thế chấp (Mẫu 08A/SBL, 08B/SBL của Quy chế này) bằng fax cho bên vay ngay tại ngày VSD công bố danh sách chứng khoán đủ điều kiện làm tài sản thế chấp hoặc ngày làm việc liền trước ngày Trái phiếu chính phủ ngừng giao dịch trên Sở Giao dịch.

5. Trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của VSD, bên vay phải gửi giấy đề nghị thay thế tài sản thế chấp (Mẫu 07/SBL của Quy chế này) cho VSD đồng thời đăng nhập thông tin về tài sản thế chấp thay thế vào hệ thống SBL. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay không nộp thêm đủ tài sản theo thông báo của VSD, thỏa thuận vay sẽ được xử lý như trường hợp mất khả năng hoàn trả khoản vay.

6. Bên vay được quyền rút tài sản thế chấp trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp sau khi định giá lại có giá trị lớn hơn 115% giá trị chứng khoán vay nhưng chỉ được rút phần vượt quá 115% giá trị chứng khoán vay. Trường hợp rút tài sản thế chấp, bên vay gửi VSD giấy rút tài sản thế chấp (Mẫu 09/SBL của Quy chế này) đồng thời đăng nhập thông tin về rút tài sản thế chấp vào hệ thống SBL.

**CHƯƠNG IV**

**HỆ THỐNG THỎA THUẬN VAY VÀ CHO VAY**

**Điều 15. Nguyên tắc tham gia hoạt động vay, cho vay chứng khoán**

 1. Các bên vay và cho vay phải ký hợp đồng vay và cho vay (Phụ lục 02 của Quy chế này) trước khi chuyển thông tin vào hệ thống SBL đối với giao dịch vay và cho vay theo phương thức thoả thuận trực tiếp hoặc sau khi xác lập được thoả thuận vay và cho vay đối với giao dịch vay và cho vay theo phương thức thoả thuận qua hệ thống.

2. Các bên tham gia hệ thống SBL cần đáp ứng các điều kiện sau:

a. Bên vay phải nộp đủ tài sản thế chấp đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế này và có yêu cầu vay hợp lệ đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này được nhập vào hệ thống SBL.

b. Bên cho vay có đủ chứng khoán đủ điều kiện cho vay tại tài khoản chứng khoán giao dịch và đã xác nhận yêu cầu vay do bên vay nhập vào hệ thống SBL thông qua TVLK nơi bên cho vay mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

3. Chỉ TVLK, TCMTKTT tại VSD mới được tham gia đăng nhập yêu cầu vay/cho vay, chào vay/chào cho vay vào hệ thống SBL.

**Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của TVLK, TCMTKTTtham gia hệ thống SBL**

1. Thực hiện hoạt động cho vay cho chính mình hoặc làm trung gian giao dịch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cho vay chứng khoán;

2. Được vay cho chính mình để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo đúng quy định pháp luật có liên quan.

3. Phải ký hợp đồng cung cấp/ nhận dịch vụ với/ từ VSD và thông báo thông tin tài khoản quản lý tài sản thế chấp bằng tiền với VSD (Phụ lục 03,04 của Quy chế này).

4. Kiểm tra và đảm bảo khách hàng có đủ chứng khoán cho vay hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

5. Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thanh toán để quản lý tài sản thế chấp bằng tiền (trong trường hợp thực hiện vay chứng khoán) và phải có đầy đủ tài sản thế chấp đủ điều kiện để đảm bảo khoản vay theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của VSD liên quan đến hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

**Điều 17. Phương thức thỏa thuận vay/cho vay trên hệ thống SBL**

1. Các bên vay và cho vay được thực hiện giao dịch vay và cho vay theo phương thức thỏa thuận trực tiếp hoặc thỏa thuận qua hệ thống. Thỏa thuận vay và cho vay chỉ có hiệu lực khi được xác lập trên hệ thống SBL tại VSD.

2. Yêu cầu vay khi đăng nhập vào hệ thống SBL phải có đầy đủ các thông tin sau

- Loại yêu cầu: vay/cho vay

- Tên bên vay, bên cho vay và TVLK đại diện cho bên cho vay

- Số hiệu tài khoản giao dịch chứng khoán của bên vay và bên cho vay

- Loại hợp đồng vay và cho vay (vay hỗ trợ thanh toán cho TVLK/vay lập quỹ hoặc hoán đổi quỹ ETF/vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở/vay TPCP để bán).

- Thời gian của hợp đồng vay/cho vay

- Mã chứng khoán và số lượng chứng khoán vay/cho vay

- Mức lãi suất vay/cho vay

- Loại và số lượng tài sản thế chấp

3. Đơn vị yết lãi suất là 0,01%/năm đối với thỏa thuận vay trái phiếu và 0,1%/năm với thỏa thuận vay/cho vay cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

4. Hệ thống SBL không giới hạn số lượng chứng khoán vay/cho vay. Số lượng chứng khoán vay của bên vay phải thuộc phạm vi số lượng chứng khoán được phép vay theo quy định.

5. Thời gian hệ thống SBL mở để tiếp nhận Yêu cầu vay/cho vay, Chào vay, Chào cho vay và xác lập thỏa thuận vay/cho vay là từ 09h00 - 15h00 các ngày làm việc trừ các ngày nghỉ giao dịch theo quy định của pháp luật.

6. Thỏa thuận vay/cho vay sẽ được xác lập ngay sau khi bên cho vay/TVLK đại diện bên cho vay xác nhận đồng ý trên hệ thống SBL .

7. Yêu cầu vay được hủy bỏ sau thời gian quy định tại Khoản 5 Điều này đối với các trường hợp:

a. Khi thỏa thuận vay/cho vay chưa được xác lập trên hệ thống SBL.

b. Bên cho vay/TVLK đại diện cho bên cho vay không xác nhận Yêu cầu vay đã nhập vào hệ thống SBL.

c. Tiền dùng làm tài sản thế chấp chưa có trên tài khoản của bên vay mở tại Ngân hàng Thanh toán theo xác nhận của Ngân hàng.

d. Chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp chưa có trên tài khoản của bên vay trên hệ thống của VSD.

8. Chào vay chưa được thỏa thuận sẽ được tự động hủy khi kết thúc thời gian giao dịch theo quy định tại Khoản 5 Điều này. Chào cho vay chưa được thỏa thuận hoặc mới thỏa thuận một phần vẫn có hiệu lực vào các ngày tiếp theo trừ trường hợp bên cho vay tự hủy Chào cho vay.

**Điều 18. Trình tự, thủ tục xác lập thỏa thuận vay/cho vay**

1. Trường hợp thỏa thuận trực tiếp

a. Sau khi thống nhất các điều kiện vay và cho vay bao gồm loại và số lượng chứng khoán, lãi suất khoản vay, loại và số lượng tài sản thế chấp, ...bên vay sẽ đăng nhập Yêu cầu vay vào hệ thống SBL.

b. Thỏa thuận vay/cho vay sẽ được xác lập trên hệ thống SBL (Mẫu 10/SBL của Quy chế này) khi bên cho vay/ TVLK đại diện cho bên cho vay thực hiện xác nhận đồng ý các nội dung trong Yêu cầu vay mà bên vay đã nhập vào hệ thống và bên vay nộp đủ tài sản thế chấp.

c. Trong vòng 01 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo thỏa thuận vay/cho vay đã được xác lập trên hệ thống SBL thông qua cổng giao tiếp điện tử, bên vayphải chuyển tới VSD hồ sơ vay chứng khoán bao gồm các tài liệu sau:

i. Giấy đề nghị cho vay chứng khoán của người đầu tư có chứng khoán cho vay (Mẫu 11/SBL của Quy chế này);

ii. Giấy ủy quyền của người đầu tư có chứng khoán cho vay cho TVLK nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán (Mẫu 12/SBL của Quy chế này);

iii. Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán giữa bên vay, bên cho vay và TVLK nơi bên cho vay mở tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có).

d. Trường hợp TVLK là bên cho vay, hồ sơ gửi tới VSD chỉ bao gồm tài liệu quy định tại Điểm iii Khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp thỏa thuận qua hệ thống:

 a. Bên vay, bên cho vay/TVLK đại diện bên cho vay nhập Chào vay/Chào cho vay vào hệ thống SBL để tìm đối tác cho vay/vay.

b. Sau khi thống nhất được các điều kiện vay, cho vay với đối tác tương ứng, bên vay, bên cho vay/TVLK đại diện bên cho vay thực hiện các quy trình, thủ tục tương tự như trường hợp thỏa thuận trực tiếp quy định tại Khoản 1 Điều này.

**CHƯƠNG V**

**HẠCH TOÁN CHUYỂN GIAO/HOÀN TRẢ CHỨNG KHOÁN CHO VAY VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP**

**Điều 19. Chuyển giao chứng khoán cho vay**

1. Chứng khoán cho vay sẽ được chuyển từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán chờ cho vay của Bên cho vay tại VSD ngay sau khi lệnh cho vay được xác lập trên hệ thống SBL.

2. Sau khi thỏa thuận vay và cho vay được xác lập trên hệ thống SBL, tùy vào mục đích trong các hợp đồng vay/cho vay chứng khoán, VSD sẽ thực hiện chuyển khoản chứng khoán cho vay:

a. Đối với trường hợp vay chứng khoán để hỗ trợ thanh toán: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán chờ thanh toán của bên vay.

b. Đối với trường hợp vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của bên vay.

c. Đối với trường hợp vay TPCP để thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán ký quỹ của bên vay.

d. Đối với trường hợp vay TPCP để bán: từ tài khoản chứng khoán chờ cho vay của bên cho vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay.

3. Ngay sau khi thực hiện hạch toán chứng khoán cho vay theo quy định tại Khoản 1,2 Điều này, VSD sẽ gửi TVLK bên cho vay và bên vay “Giấy xác nhận hạch toán chứng khoán cho vay” (Mẫu 13A/SBL, 13B/SBL,13C/SBL của Quy chế này) thông qua cổng giao tiếp điện tử để thực hiện hạch toán tương ứng tại Thành viên. Chứng từ gốc sẽ được gửi đến TVLK/TCMTKTT liên quan trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

**Điều 20. Hoàn trả chứng khoán cho vay**

1. Sau khi nhận được hồ sơ hoàn trả khoản vay của bên vay quy định tại Điều 7 Quy chế này, VSD thực hiện chuyển chứng khoán vay từ tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay trên hệ thống của VSD và gửi TVLK bên cho vay và bên vay xác nhận thông qua cổng giao tiếp điện tử để thực hiện hạch toán tương ứng tại Thành viên. Chứng từ gốc (Mẫu 04/SBL) có xác nhận của VSD sẽ được gửi đến TVLK/TCMTKTT liên quan trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

2. Trường hợp Thành viên lập Quỹ ETF không sử dụng hết chứng khoán vay để góp vốn hoặc hoán đổi danh mục và có hồ sơ đề nghị hoàn trả khoản vay theo quy định tại Điều 7 Quy chế này gửi VSD,VSD thực hiện chuyển chứng khoán vay từ tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của bên vay (Thành viên lập Quỹ ETF) sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên cho vay trên hệ thống của VSD hoặc sang tài khoản chứng khoán giao dịch của bên vay trên hệ thống của VSD trong trường hợp phải hoàn trả khoản vay bằng tiền do bên cho vay là nhà đầu tư nước ngoài nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán sẽ dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định của nhà đầu tư nước ngoài và gửi TVLK bên cho vay và bên vay xác nhận thông qua cổng giao tiếp điện tử để thực hiện hạch toán tương ứng tại Thành viên. Chứng từ gốc (Mẫu 04/SBL) có xác nhận của VSD sẽ được gửi đến TVLK liên quan trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

**Điều 21. Phong tỏa tài sản thế chấp**

1. Chứng khoán dùng làm tài sản thế chấp sẽ được VSD chuyển từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay tại VSD ngay sau khi thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL.

2. Tiền dùng làm tài sản thế chấp sẽ được phong tỏa trên tài khoản tiền gửi của bên vay mở tại Ngân hàng thanh toán trước khi thỏa thuận vay/cho vay được xác lập trên hệ thống SBL căn cứ vào thông báo của VSD gửi Ngân hàng thanh toán (Mẫu 15A/SBL của Quy chế này).

3. Sau khi thực hiện phong tỏa tài sản thế chấp theo quy định tại Khoản 1,2 Điều này, VSD gửi bên vay thông qua cổng giao tiếp điện tử “Giấy xác nhận chuyển khoản phong tỏa chứng khoán thế chấp” (Mẫu 16/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là chứng khoán và “Xác nhận phong tỏa tiền” của Ngân hàng thanh toán (Mẫu 17/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là tiền. Chứng từ gốc sẽ được gửi tới TVLK/TCMTKTTliên quan trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực hạch toán.

**Điều 22. Giải tỏa tài sản thế chấp**

1.Tài sản thế chấp sẽ được giải tỏa ngay sau khi VSD hoàn tất xử lý hồ sơ hoàn trả khoản vay của bên vay. Bên vay gửi VSD hồ sơ đề nghị giải toả tài sản thế chấp gồm:

- Tài liệu chứng minh đã hoàn trả tiền lãi khoản vay cho bên cho vay hoặc văn bản đề nghị VSD khấu trừ giá trị tương ứng lãi khoản vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền để trả cho bên cho vay và tài liệu chứng minh đã thanh toán lợi ích vật chất phát sinh (nếu có) đến chứng khoán cho vay.

- Yêu cầu giải tỏa tài sản thế chấp (Mẫu 18/SBL của Quy chế này)

2. Chứng khoán thế chấp sẽ được chuyển khoản từ tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của bên vay sang tài khoản chứng khoán giao dịch của chính thành viên đó. VSD sẽ thông báo cho Ngân hàng thanh toán thực hiện giải tỏa tiền thế chấp (nếu có) trên tài khoản tiền gửi thanh toán của TVLK/TCMTKTT tại Ngân hàng (Mẫu 15B/SBL, 15C/SBL của Quy chế này).

3. Sau khi thực hiện giải tỏa tài sản thế chấp theo quy định tại Khoản 2 Điều này, VSD gửi bên vay thông qua cổng giao tiếp điện tử “Giấy xác nhận chuyển khoản giải tỏa chứng khoán thế chấp” (Mẫu 19A/SBL, 19B/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là chứng khoán và “Xác nhận giải tỏa tiền” của Ngân hàng thanh toán (Mẫu 20A/SBL, 20B/SBL của Quy chế này) đối với trường hợp tài sản thế chấp là tiền. Chứng từ gốc sẽ được gửi tới TVLK/TCMTKTTliên quan trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hiệu lực trên chứng từ hạch toán.

**CHƯƠNG VI**

**QUYỀN, LỢI ÍCH PHÁT SINH LIÊN QUAN ĐẾN**

**CHỨNG KHOÁN THẾ CHẤP VÀ CHỨNG KHOÁN CHO VAY**

**Điều 23. Quyền phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp**

Bên vay được hưởng toàn bộ quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán thế chấp và lãi phát sinh từ khoản tiền thế chấp trên tài khoản tiền gửi của chính bên vay mở tại Ngân hàng thanh toán.

**Điều 24. Lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay**

 1. Các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến số chứng khoán cho vay trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng vay/cho vay chứng khoán được tính vào giá trị khoản vay khi tất toán hợp đồng vay.

 2. Trừ khi các bên có thoả thuận khác, lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay được xác định theo cách thức sau:

 a. Đối với cổ tức bằng tiền, lãi, gốc trái phiếu:

 **V**R = **R** x **Q**Lx **Mệnh giá**

Trong đó:

**V**Rlà số tiền được nhận

**R**có thể là tỷ lệ cổ tức (theo thông báo của tổ chức phát hành); tiền lãi hoặc gốc trái phiếu

**Q**L là số lượng chứng khoán cho vay

 b. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, ...thì việc hoàn trả thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

 i. Hoàn trả toàn bộ số cổ phiếu thưởng, cổ tức nhận được theo thông báo thực hiện quyền của tổ chức phát hành

 ii. Hoàn trả bằng tiền theo thoả thuận của hai bên.

 c. Đối với chứng khoán phát hành thêm: thực hiện theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng vay/cho vay chứng khoán

3. Trong ngày làm việc liền sau ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách nhà đầu tư được hưởng quyền theo thông báo của tổ chức phát hành, VSD sẽ gửi thông báo đến bên vay và bên cho vay về các lợi ích vật chất phát sinh liên quan đến chứng khoán cho vay (Mẫu 21/SBL của Quy chế này).

4. Việc thanh toán các lợi ích vật chất phát sinh đến chứng khoán cho vay do bên vay và bên cho vay tự thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

5. Mọi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật thuộc về chủ sở hữu chứng khoán có tên trong danh sách cổ đông của tổ chức phát hành.

**CHƯƠNG VII**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các bên liên quan liên hệ với VSD để được hướng dẫn, giải quyết.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc VSD quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔNG GIÁM ĐỐC****ơ****Dương Văn Thanh** |